TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THÁP MƯỜI** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2018/HNGĐ-ST
Ngày 30 - 5- 2018
V/v tranh chấp xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁP MƯỜI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Kim Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/Ông Trần Quốc Tỷ.

2/Ông Mai Văn Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười.

Ngày 30 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tháp Mười xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 142/2018/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2018, về việc: "Tranh chấp xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 11 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Huỳnh Văn B, sinh năm: 1992.

Địa chỉ: Ấp B, xã X, huyện M, Đồng Tháp.

- *Bị đơn*: Nguyễn Thị Ngọc G, sinh năm: 1997.

Địa chỉ: Ấp P, xã Q, huyện M, Đồng Tháp.

(Anh B, chị G có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Anh Huỳnh Văn B trình bày: Anh và chị G kết hôn năm 2016 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng sau khi sinh con xong, vợ anh đòi đi làm, anh không cho vợ kiếm chuyện và bỏ về nhà mẹ ruột từ tháng 06/2017 đến nay. Anh đã gọi vợ anh về nhiều lần nhưng vợ anh không về. Nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống với nhau được nữa, nên anh yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị Ngọc G.

Về con: Có một con chung tên Huỳnh Trấn T - sinh ngày 04/3/2017. Anh yêu cầu nuôi con, không yêu cầu chị G cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Chị Nguyễn Thị Ngọc G trình bày: Chị và anh B cưới nhau năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, nhưng thời gian sau vợ chồng cứ cự cải, nguyên nhân do chị xin đi làm, anh B không đồng ý, từ đó vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn nhau. Nay, anh B yêu cầu ly hôn chị đồng ý, vì nghĩ tình cảm vợ chồng không còn có nếu kéo cũng không mang lại kết quả tốt.

Về con: Có một con chung tên Huỳnh Trấn T - sinh ngày 04/3/2017, hiện đang sống với chị. Chị yêu cầu tiếp nuôi con, yêu cầu anh B cấp dưỡng cho đến khi Trấn T tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ vào đơn khởi kiện ngày 03/4/2018 và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp giữa các đương sự là Tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 3 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về nội dung vụ án: Quan hệ hôn nhân giữa anh B và chị G được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh B trình bày cuộc sống hôn nhân của anh và chị G không còn hạnh phúc, do chị G bỏ về nhà mẹ ruột sống, anh gọi về nhiều lần nhưng vợ anh không về. Tại phiên tòa hôm nay, anh xác định không còn tình cảm gì với chị G nữa, có sống chung cũng không mang lại kết quả tốt, nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn.

Tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 11 tháng 5 năm 2018 và tại phiên tòa hôm nay, chị G đồng ý ly hôn. Xét, việc thuận tình ly hôn giữa anh B và chị G là hoàn toàn tự nguyện, có căn phù hợp pháp luật, theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

Tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình quy định:

"*Trong trường hợp vợ chồng cùng yêu cầu ly hôn, nếu xét thấy hai bên thật sự tư nguyên ly hôn và đã thỏa thuận về việc chia tài sản, việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con trên cơ sở bảo đảm quyền lợi chính đáng của vợ và con thì Tòa án công nhận thuận tình ly hôn….*"

[2] Về con chung: Xét yêu cầu nuôi con của anh B là không có cơ sở bởi lẽ: Chị G là người đang trực tiếp nuôi dạy con có điều kiện về thời gian, lo cho Trấn T. Hơn nữa, từ ngày chị G dắt con về nhà mẹ ruột sống anh B không một lần đến thăm, điều này thể hiện thiếu sự quan tâm chăm sóc. Mặc khác, Trấn T sinh ngày 04/3/2017 là dưới 36 tháng tuổi nên chấp nhận giao con cho chị G nuôi dưỡng là phù hợp pháp luật theo khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quy định:

3. Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị G nên anh B phải có nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.

Tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình quy định:

2. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

[3].Về tài sản chung: Không có.

[4] Về nợ chung: Không có.

[5] Về án phí: Anh B phải chịu án phí sơ thẩm về hôn nhân và gia đình và ánphí cấp dưỡng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự Và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án do Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Huỳnh Văn B và chị Nguyễn Thị Ngọc G.

- Về con chung: Không chấp nhận yêu cầu của anh Huỳnh Văn B về nuôi con.

Chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị G, cho chị G được quyền tiếp tục nuôi con chung tên Huỳnh Trấn T, sinh ngày 04/3/2017. Anh B có nghĩa vụ

cấp dưỡng cho Trấn T mỗi tháng bằng ½ mức lương cơ sở cho đến khi Trấn Thành đủ 18 tuổi tự lao động nuôi sống bản thân được. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 6/2018.

Anh B, chị G có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không bên nào được quyền ngăn cấm. Anh B được quyền thăm con.

- Về tài sản chung: Anh, chị thống nhất không có.

- Về nợ chung: Anh, chị thống nhất không có.

- Về án phí: Anh Huỳnh Văn B nộp 300.000 đồng án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng, tổng cộng 600.000 đồng. Được khấu trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số BG/2015 0002924 ngày 10 tháng 4 năm 2018, anh B phải nộp tiếp 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười.

Anh B, chị G có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND, VKSND Tỉnh;
-VKSND cùng cấp;
-Chi cục THADS Huyện;
-Cơ quan đã thực hiện đăng ký kết hôn;
-Đương sự;
-Lưu: VT, hồ sơ vụ án, (Oanh).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đinh Kim Oanh